

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 13/2023/DS - ST

Ngày: 29/9/2023

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/ 2003/QĐST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Chiếu Th, xã Đông Ph, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Ông Lê Duy T, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Bà Lê Thị M (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Chiếu Th, xã Đông Ph, huyện Đông S, Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Phú, huyện Đông Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thiêm D - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Phú, huyện Đông Sơn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2023 và Bản tự khai, bà Trần Thị Th trình bày như sau:

Gia đình bà có diện tích đất 125m² tại thửa 1146, tờ bản đồ số 2; Địa chỉ: Thôn Chiếu Th, xã Đông Ph, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AB680552 ngày 24/4/2008 mang tên Nguyễn Chí Tr và Trần Thị Th).

Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà mua lại của Hợp tác xã từ năm 1994 có giấy tờ mua bán và hóa đơn thu tiền tổng diện tích là 125m² có chiều rộng 8m, chiều dài phía Nam là 12m, phía Tây rộng 12m, phía Bắc dài 12m.

Tháng 4/2022, ông Lê Duy T làm nhà lấn sang đất của nhà bà khoảng 18m², bà đã nói với ông T nhiều lần nhưng ông T không nghe. Bà đã làm đơn báo cáo UBND xã Đông Phú. UBND xã Đông Phú đã tổ chức hòa giải nhưng ông T vẫn không thống nhất.

Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2023, ông Lê Duy T và bà Lê Thị M trình bày:

Tổng diện tích đất của gia đình ông là 1095,7m² theo sơ đồ đã có. Gia đình ông đã xây dựng từ trước và xây nhà kiên cố. Sau này mới có chế độ thầu thì gia đình ông trả ra 200m² thầu cho Hợp tác xã và ngăn cách giữa đất Hợp tác xã và đất gia đình ông là 1 mét nương nên không liên quan gì đến đất HTX.

Căn cứ Biên bản xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình có đất cụm dân cư thôn Chiếu Thượng ngày 12/10/2022, Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất UBND xã Đông Phú đã xác định: Tại thửa 422 tờ bản đồ số 2, diện tích 240m² ông Lê Duy T đang xây bao chiếm 35,7m² và năm 2008 UBND xã Đông Phú lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Chí Tr và bà Trần Thị Th địa chỉ thôn Chiếu Th, xã Đông Ph, huyện Đông Sơn diện tích 125m² đất ở thửa 1146 tách ra từ thửa 422 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đo đạc năm 1990 xã Đông Phú, Sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 680552, số vào sổ cấp H00134 cấp ngày 24/4/2008, nơi cấp: UBND huyện Đông Sơn. Hiện ông Lê Duy T đang xây nhà trên một phần trên thửa đất 422 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã Đông Phú với diện tích 35,7m².

Ý kiến của UBND xã Đông Phú:

Tại công văn số 08/BC-UBND ngày 23/8/2023 của UBND xã Đông Phú

Bà Trần Thị Th là vợ ông Nguyễn Chí Tr được UBND huyện Đông Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB680552 ngày 24/4/2008 tại thửa 1146 tách ra từ thửa 422 tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính xã Đông Phú đo đạc năm 1990) được công nhận là 125m² đất ở nông thôn; Nay là thửa 240, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính xã Đông Phú đo đạc năm 2012 diện tích 149,9m².

Ông Lê Duy T (GCNQSDĐ mang tên vợ ông T là bà Lê Thị M) được UBND huyện Đông Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0781627 cấp ngày 30/6/1994 tại thửa 421 tờ bản đồ số 02 (Bản đồ địa chính xã Đông Phú đo đạc năm 1990), diện tích đất thổ cư ghi trên giấy chứng nhận 750m², trong đó đất ở là 200m², đất vườn 550m². Nay là thửa đất 186 tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã Đông Phú đo đạc năm 2012 là 1095,7m². Qua hồ sơ trích ngang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lưu tại văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi Trường – chi nhánh huyện Đông Sơn thì thửa 421, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã Đông Phú đo đạc năm 1990 chỉ công nhận diện tích đất thổ cư của gia đình ông Lê Duy T là 500m² trong đó đất ở là 200m², đất vườn thừa là 300m²

vậy theo hồ sơ trích ngang cấp giấy chứng nhận của hộ ông Lê Duy T diện tích 750m² có sự sửa chữa diện tích từ 300m² đất vườn thừa thành 550m² đất vườn.

Về hiện trạng hiện nay ông Lê Duy T đang xây nhà trên các thửa đất không được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 423, 424 và làm nhà sang cả thửa 422 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đo đạc năm 1990.

UBND xã Đông Phú xác định đây là trường hợp làm nhà sang đất của hộ khác mà đương sự đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn giải quyết theo quy định.

Căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023:

- Hiện trạng sử dụng đất của bà Trần Thị Th: Tổng diện tích đất là 113m², trong đó, cạnh phía tây: 9,75m; cạnh phía đông: 9,06m; cạnh phía bắc: 13m; cạnh phía nam (tiếp giáp với bờ mương) được hình thành bởi đường gấp khúc với kích thước là 6,1m và 6m

- Hiện trạng sử dụng đất của ông Lê Duy T: Tổng diện tích đất của ông Lê Duy T, bà Lê Thị M là 1095,7m². Ông Lê Duy T đã xây dựng nhiều công trình xây dựng trên đất, trong đó tại khu vực đất giáp ranh với phần diện tích đất của bà Trần Thị Th và giáp ranh với bờ mương (khu vực đang có tranh chấp) thì ông Lê Duy T đã xây dựng nhà kiên cố với diện tích 90,08m², sân rộng 58,35m².

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn là ông Lê Duy T, bà Lê Thị M vắng mặt lần 2 tại phiên tòa mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ. UBND xã Đông Phú có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt dù tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản. Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án Diện tích đất của ông Lê Duy T bà Lê Thị M đang sử dụng lớn hơn rất nhiều so với diện tích đất mà ông Lê Duy T bà Lê Thị M được nhà nước công nhận. Trong khi đó, diện tích đất của gia đình bà Trần Thị Th đang thiếu so với diện tích được nhà nước công nhận. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Nguyễn Chí Tr bà Trần Thị Th thì kích thước các cạnh của thửa đất đã rõ ràng. Do vậy, khi đối chiếu với các cạnh giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Chí Tr bà Trần Thị Th thì phần diện tích đất bị thiếu là ở phía Tây Nam. Trong đó, sân và nhà ông Lê Duy T bà Lê Thị M lấn sang là 2,69m², phần mương đang lấn sang là 7,31m². Ông Lê Duy T bà Lê Thị M có xây dựng lấn lên một phần diện tích đất của bà Trần Thị Th nhưng không phải là 18m² như bà Trần Thị Th khởi kiện. Như vậy, việc bà Trần Thị Th khởi kiện ông Lê Duy T bà Lê Thị M được chấp nhận một phần.

Bà Trần Thị Th yêu cầu ông Lê Duy T bà Lê Thị M trả lại đất lấn chiếm, tuy nhiên phần diện tích lấn chiếm nhỏ, trong khi đó các công trình nhà và công trình xây dựng khác của ông Lê Duy T bà Lê Thị M đã xây dựng kiên cố nên ông Lê Duy T bà Lê Thị M vẫn tiếp tục được sử dụng phần đất đã lấn chiếm nhưng phải thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất lấn chiếm, cụ thể: $2,69\text{m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng} = 9.415.000 \text{ đồng}$.

Về án phí: ông Lê Duy T, bà Lê Thị M, bà Trần Thị Th đều là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đây là vụ án “tranh chấp quyền sử dụng đất” (quyền sử dụng đất tranh chấp có địa chỉ tại thôn Chiếu Thượng, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) giữa nguyên đơn là bà Trần Thị Th và bị đơn là ông Lê Duy T, bà Lê Thị M. Nguyên đơn và bị đơn cùng có địa chỉ thường trú tại thôn Chiếu Thượng, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Đông Sơn.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Th cho rằng ông Lê Duy T, bà Lê Thị M đã làm nhà lấn chiếm sang nhà bà khoảng 18m^2 . Bà Trần Thị Th yêu cầu ông Lê Duy T, bà Lê Thị M phải trả lại cho nhà bà 18m^2 đất.

Qua xem xét hồ hồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Chí Tr, bà Trần Thị Th xác định: Diện tích đất mà vợ chồng ông Nguyễn Chí Tr, bà Trần Thị Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 125m^2 với kích thước các cạnh như sau: cạnh phía bắc (giáp ngõ xóm): 13m; cạnh phía nam (giáp đất nhà ông T): 12m; cạnh phía tây (giáp nhà ông T): 12m, cạnh phía đông (giáp đường liên huyện): 8m.

Tại biên bản thẩm định, đo đạc hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà Trần Thị Th có kết quả như sau: Tổng diện tích đất là 113m^2 , trong đó, cạnh phía tây: 9,75m; cạnh phía đông (không bao gồm mương): 8,06m; cạnh phía bắc: 13m; cạnh phía nam (tiếp giáp với bờ mương) được hình thành bởi đường gấp khúc với kích thước là 6,1m và 6m. Qua kết quả đo đạc xác định hiện trạng phần diện tích gia đình bà Trần Thị Th đang sử dụng nhỏ hơn so với diện tích đất được công nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong khi đó, diện tích đất được cấp cho ông Lê Duy T, bà Lê Thị M: Tổng diện tích hiện trạng đất gia đình ông Lê Duy T, bà Lê Thị M đang quản lý sử dụng là $1.095,7\text{m}^2$. Qua nghiên cứu các hồ sơ, công văn báo cáo do UBND xã Đông Phú cung cấp thì thửa đất gia đình ông Lê Duy T đang quản lý gồm nhiều thửa đất, cụ thể gồm: thửa 421, tờ bản đồ số 2 đo vẽ năm 1990 có diện tích là 500m^2 (tuy nhiên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0781627 do UBND huyện

Đông Sơn cấp ngày 30/6/1994 cho bà Lê Thị M thì số liệu là 750m² trong đó 200m² đất ở và 550m² đất vườn thừa – có dấu hiệu chỉnh sửa số liệu diện tích đất tại đất vườn thừa); Thửa 420, tờ bản đồ số 2 đo vẽ năm 1990 mang tên ông Lê Duy L (ông Lê Duy T đang quản lý sử dụng nhưng không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất đối với thửa đất này); Thửa 424, tờ bản đồ số 2 đo vẽ năm 1990 có diện tích 485 m² mang tên ông Lê Duy Ng, hiện nay ông Lê Duy H đang sử dụng 150m²; Thửa đất 423, tờ bản đồ số 2 đo vẽ năm 1990 thể hiện chủ sử dụng đất là HTX; và một phần của thửa đất 422, tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1990. Tại thửa đất số 423, một phần thửa đất 422 đều thuộc tờ bản đồ số 2 đo vẽ năm 1990 mặc dù ông T chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông T đã xây dựng nhà và công trình xây dựng khác.

Tổng diện tích hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Lê Duy T, bà Lê Thị M lớn hơn rất nhiều lần so với phần diện tích đất được nhà nước công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0781627 do UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 30/6/1994 cho bà Lê Thị M; đồng thời phần nhà, sân của gia đình ông bà được xây dựng trên thửa 423, tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1990 (đang được ghi nhận là chủ sử dụng đất là HTX) và một phần thửa đất 422 đều thuộc tờ bản đồ số 2 đo vẽ năm 1990 (thửa 422, tờ bản đồ số 02 đã được tách ra 125m² cho hộ bà Trần Thị Th). Trong khi đó, hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà Trần Thị Th lại đang bị thiếu.

Khi thực hiện việc đối chiếu kết quả đo vẽ thực trạng sử dụng quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị Th, hộ ông Lê Duy T, bà Lê Thị M với diện tích đất và sơ đồ thửa đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho gia đình bà Trần Thị Th thì có cơ sở xác định phần đất của gia đình bà Trần Thị Th thiếu so với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần bị thiếu thuộc phía tây nam. Cụ thể, một phần của con mương, một phần diện tích đất mà gia đình ông Lê Duy T xây dựng công trình thuộc trên phần diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Trần Thị Th. Cụ thể: phần móng nhà của gia đình ông Lê Duy T, bà Lê Thị M xây lấn sang là 0,33m²; phần sân của nhà ông Lê Duy T, bà Lê Thị M lấn sang nhà bà Trần Thị Th là 2,36m²; phần mương đang lấn sang là 7,31m² (*kích thước các cạnh bị lấn chiếm được thể hiện cụ thể trên sơ đồ đính kèm bản án*).

Như vậy, Tổng diện tích đất mà hộ ông Lê Duy T, bà Lê Thị M lấn sang diện tích đất của bà Trần Thị Th là: 2,69m². Do vậy, bà Trần Thị Th xác định phần diện tích hộ ông Lê Duy T, bà Lê Thị M lấn chiếm 18m² là chưa hoàn toàn chính xác mà chỉ có thể được xem xét chấp nhận một phần.

Bà Trần Thị Th yêu cầu ông Lê Duy T, bà Lê Thị M phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm cho gia đình bà. Tuy nhiên, xét thấy phần diện tích mà hộ ông Lê Duy T, bà Lê Thị M lấn chiếm của hộ bà Trần Thị Th có diện tích nhỏ, hơn nữa trên phần diện tích này ông Lê Duy T, bà Lê Thị M đã xây dựng nhà ở và công trình xây dựng kiên cố, nếu tháo dỡ thì ảnh hưởng đến toàn bộ công trình của ông Lê Duy T, bà Lê Thị M. Do vậy, ông Lê Duy T, bà Lê Thị M được tiếp tục sử dụng đối với phần diện tích đất đã lấn chiếm của hộ bà Trần Thị Th nhưng

có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Trần Thị Th số tiền tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất mà ông T bà M đang sử dụng.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 09/8/2023, đơn giá quyền sử dụng đất được xác định là: 3.500.000 đồng/m². Do đó, ông Lê Duy T, bà Lê Thị M phải trả cho bà Trần Thị Th số tiền là: 3.500.000đồng x 2,69m² = 9.415.000 đồng (Bằng chữ: Chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: ông Lê Duy T, bà Lê Thị M, bà Trần Thị Th đều là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thuộc đối tượng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th. Cụ thể: Trong tổng số diện tích đất bà Trần Thị Th cho rằng ông Lê Duy T bà Lê Thị M lấn chiếm là 18m² nhưng chỉ được chấp nhận 2,69m², trong đó: Phần móng nhà của gia đình ông Lê Duy T bà Lê Thị M xây lấn sang là 0,33m²; phần sân của nhà ông Lê Duy T bà Lê Thị M lấn sang nhà bà Trần Thị Th là 2,36m² (có sơ đồ kèm theo bản án).

- Ông Lê Duy T bà Lê Thị M được tiếp tục sử dụng phần diện tích đã lấn chiếm là 2,69m² nhưng phải thanh toán cho bà Trần Thị Th tổng số tiền là 9.415.000 đồng (Chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- UBND xã Đông Phú;
- Chi cục Thi hành án Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Hà